

**CÔNG TY CỔ PHẦN PAN SERVICES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PAN SERVICES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PAN SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PAN SERVICES .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109660445

**3. Ngày thành lập:** 07/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, Khối văn phòng, Tòa nhà Golden field, Số 24, Nguyễn Cơ Thạch, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0367722888

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                         | 8129(Chính) |
| 2.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                     | 8121        |
| 3.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                     | 8130        |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                       | 4651        |
| 5.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                     | 6201        |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                       | 6202        |
| 7.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                    | 4741        |
| 8.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 9.  | Hoạt động bảo vệ tư nhân<br>Chi tiết : Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.<br>( Điều 11 Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ) | 8010        |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                   | 8560        |
| 11. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                       | 7990        |
| 12. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                     | 7912        |
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                               | 8552        |
| 14. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                             | 8551        |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                   | 4759        |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                          | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                          | 4632 |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                            | 4633 |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                             | 4659 |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                           | 4669 |
| 21. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết; Tư vấn về môi trường;                                                                                                                  | 7490 |
| 23. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                              | 7730 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                         | 8299 |
| 25. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                          | 4649 |
| 26. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                        | 4641 |
| 27. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                     | 4663 |
| 28. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                      | 1392 |
| 29. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                              | 1410 |
| 30. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                       | 4312 |
| 32. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                       | 4322 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                              | 4329 |
| 34. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                              | 4330 |
| 35. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                         | 4390 |
| 36. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                              | 3811 |
| 37. | Thu gom rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                    | 3812 |
| 38. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ tại các bãi, điểm đỗ ô tô, xe máy và các phương tiện đường bộ khác.                                                | 5225 |
| 39. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Tư vấn, quản lý bất động sản.<br>Môi giới bất động sản;<br>Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư<br>(Điều 3, luật kinh doanh bất động sản) | 6820 |
| 40. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                              | 8230 |
| 41. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.                                                                                                                             | 6619 |

|     |                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------|------|
| 42. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(Nghị định số 10/2020/NĐ-CP) | 4933 |
|-----|----------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | BÙI NGỌC<br>KHOA TỬ    | Khu Tân Hòa, Thị<br>trấn Mãn Đức,<br>Huyện Tân Lạc,<br>Tỉnh Hòa Bình,<br>Việt Nam         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       | 113178141                                                                                                              |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Tổng số                            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | BÙI NGỌC<br>MINH THÔNG | Xóm 7, Thôn Phú<br>Xuyên 3, Xã Phú<br>Châu, Huyện Ba<br>Vi, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       | 0170870004<br>42                                                                                                       |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           | Tổng số                            | 150.000       | 1.500.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                        |                                                                                           |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                                  |                                    |         |               |        |                  |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>HOÀNG | Số 15, phố Tùng<br>Thiện, Phường<br>Sơn Lộc, Thị Xã<br>Sơn Tây, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 | 0250830003<br>13 |
|   |                 |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                 |                                                                                                  | Tổng số                            | 200.000 | 2.000.000.000 | 40,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI NGỌC KHOA TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 113178141

Ngày cấp: 27/09/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Hòa Bình

Địa chỉ thường trú: Khu Tân Hòa, Thị trấn Mãn Đức, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Tân Hòa, Thị trấn Mãn Đức, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội